

THÔNG TƯ

Sửa đổi Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường không khí xung quanh và nước mặt lục địa; Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường nước biển, khí thải công nghiệp và phóng xạ; Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường đất, nước dưới đất và nước mưa axit

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 25/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 19/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 và Nghị định số 89/2010/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2010;

Xét đề nghị của Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính, Tổ chức cán bộ, Pháp chế và Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường,

QUY ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường không khí xung quanh và nước mặt lục địa ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-BTNMT ngày 05 tháng 7 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường:

1. Sửa đổi một số định mức vật liệu đối với công tác quan trắc môi trường không khí tại hiện trường (điểm 1.2.4 khoản 1 Chương 1 Phần 2):

a) Sửa đổi định mức tại thứ tự số 2 trong Mã hiệu “1KK4: TSP, Pb (TCVN 5067 - 1995 và TCVN 6152 - 1996)” như sau:

1KK4	TSP, Pb (TCVN 5067 - 1995 và TCVN 6152 - 1996)		
2	Giấy lọc sợi thủy tinh	hộp	0,01

b) Bỏ định mức tại thứ tự số 5 (Túi nilon) trong Mã hiệu “1KK6: NO₂ (Thường quy kỹ thuật YHLD&VSMT Bộ Y tế 1993)”.

c) Sửa đổi định mức tại thứ tự số 3 trong Mã hiệu “1KK9: HC trừ Metan (Thường quy kỹ thuật YHLD-VSMT Bộ Y tế 1993)” như sau:

1KK9	HC trừ Metan (Thường quy kỹ thuật YHLD-VSMT Bộ Y tế 1993)		
3	Axít Acetic	ml	0,200

2. Sửa đổi một số định mức vật liệu đối với công tác phân tích các thông số môi trường không khí trong phòng thí nghiệm (điểm 2.2.4 khoản 2 Chương 1 Phần 2):

a) Sửa đổi định mức tại thứ tự số 1, 3 và 4 trong Mã hiệu “2KK5: CO (TCN của Bộ Y tế 52TCN 352-89)” như sau:

2KK5	CO (TCN của Bộ Y tế 52TCN 352 - 89)		
1	PdCl ₂	gam	0,002
3	Na ₂ SO ₄ , 2H ₂ O	gam	0,300
4	Na ₂ MoO ₄	gam	0,080

b) Sửa đổi định mức tại thứ tự số 6 trong Mã hiệu “2KK8: O₃ (Phương pháp Kali Iodua NBIK của WHO)” như sau:

2KK8	O ₃ (Phương pháp Kali Iodua NBIK của WHO)		
6	H ₂ O ₂	ml	0,450

3. Sửa đổi một số định mức dụng cụ đối với công tác phân tích môi trường nước mặt lục địa trong phòng thí nghiệm (điểm 2.2.2 khoản 2 Chương 3 Phần 2):

b) Sửa đổi định mức tại thứ tự số 13 trong Mã hiệu “2NM6g: Kim loại nặng Hg, As (TCVN 5991 - 1995 và TCVN 6182 - 1996)” như sau:

13	Đèn W _{lmax} =200h	cái	12	0,960
----	-----------------------------	-----	----	-------

4. Sửa đổi một số định mức dụng cụ đối với công tác phân tích môi trường nước mặt lục địa trong phòng thí nghiệm (điểm 2.2.4 khoản 2 Chương 3 Phần 2):

a) Sửa đổi định mức tại thứ tự số 2 trong Mã hiệu “2NM4: Chất rắn lơ lửng (SS) (TCVN 4559 - 1988)” như sau:

2	Giấy lọc băng xanh	hộp	0,100
---	--------------------	-----	-------

5. Sửa đổi thống nhất “Đơn vị tính” đối với 02 vật liệu, dụng cụ mang tên “Kim kẹp giấy” và “Kim bấm” trong tất cả các định mức là “Hộp”.

Điều 2. Sửa đổi Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường đất, nước dưới đất và nước mưa axit ban hành kèm theo Quyết định số 02/2008/QĐ-BTNMT ngày 16 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường:

1. Sửa đổi định mức dụng cụ đối với hoạt động phân tích mẫu đất trong phòng thí nghiệm (điểm 2.2.2 khoản 2 Chương 1 Phần 2):

Sửa đổi định mức tại thứ tự số 12 trong Mã hiệu “2Đ5g: Mn²⁺ (APHA 3113.B)” như sau:

12	Đèn WImax=200h	cái	16	0,320
----	----------------	-----	----	-------

2. Sửa đổi một số định mức vật liệu đối với hoạt động phân tích mẫu đất trong phòng thí nghiệm (điểm 2.2.4 khoản 2 Chương 1 Phần 2):

a) Sửa đổi định mức tại thứ tự số 2 trong Mã hiệu “2Đ4l: Tổng muối tan” như sau:

2	H ₂ O ₂	ml	10,000
---	-------------------------------	----	--------

b) Sửa đổi định mức tại thứ tự số 5 trong Mã hiệu “2Đ4m: Tổng chất hữu cơ” như sau:

5	H ₃ PO ₄	ml	25,00
---	--------------------------------	----	-------

c) Sửa đổi định mức tại thứ tự số 11 trong Mã hiệu “2Đ5a: Ca²⁺” như sau:

11	Eriochrom T đen	Gam	0,200
----	-----------------	-----	-------

3. Sửa đổi một số định mức dụng cụ đối với hoạt động phân tích mẫu nước dưới đất trong phòng thí nghiệm (điểm 2.2.2 khoản 2 Chương 2 Phần 2):

a) Sửa đổi định mức tại thứ tự số 13 trong Mã hiệu “2NN6c: Nitrat (NO₃) (TCVN 6180-1996)” như sau:

13	Đèn Wimax=200h	cái	16	0,400
----	----------------	-----	----	-------

b) Sửa đổi định mức tại thứ tự số 13 trong Mã hiệu “2NN6k: Tổng P (APHA 4500-P)” như sau:

13	Đèn Wimax=200h	cái	16	0,640
----	----------------	-----	----	-------

c) Sửa đổi định mức tại thứ tự số 14 trong Mã hiệu “2NN6m₁: Pb (TCVN 5989-1995” và Mã hiệu “2NN6m₂: Cd (TCVN 5990-1995” như sau:

14	Đèn Wimax=200h	cái	12	0,800
----	----------------	-----	----	-------

4. Sửa đổi một số định mức vật liệu đối với hoạt động phân tích nước mưa axit tại phòng thí nghiệm (điểm 2.2.4 khoản 2 Chương 3 Phần 2):

a) Sửa đổi định mức tại thứ tự số 8 trong Mã hiệu “2MA3e: Sulphat (SO₄²⁻” như sau:

8	BaC ₆ C ₁₂ O ₄	ml	20,000
---	---	----	--------

b) Sửa đổi định mức tại thứ tự số 8 trong Mã hiệu “2MA4d: Mg²⁺” như sau:

8	Eriochrom T đen	Gam	0,150
---	-----------------	-----	-------

c) Sửa đổi định mức tại thứ tự số 10 trong Mã hiệu “2MA4e: Ca²⁺” như sau:

10	Eriochrom T đen	Gam	0,150
----	-----------------	-----	-------

5. Sửa đổi thông nhất “Đơn vị tính” đối với 02 vật liệu, dụng cụ mang tên “Kim kẹp giấy” và “Kim bấm” trong tất cả các định mức là “Hộp”.

Điều 3. Sửa đổi Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường nước biển, khí thải công nghiệp và phóng xạ ban hành kèm theo Quyết định số 03/2008/QĐ-BTNMT ngày 18 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường:

1. Sửa đổi định mức dụng cụ đối với hoạt động quan trắc nước biển xa bờ (điểm 2.2.2 khoản 2 Chương 1 Phần 2):

Bỏ định mức tại thứ tự số 10 và số 11 trong Mã hiệu “2NB6: Độ muối (Điện hoá/điện cực kép)”.

2. Sửa đổi định mức thiết bị đối với với hoạt động quan trắc nước biển xa bờ (điểm 2.2.3 khoản 2 Chương 1 Phần 2):

Bỏ cụm từ “Như 2NB13” trong Mã hiệu “2NB22: Hóa chất BVTVClo, Hóa chất BVTV nhóm Photpho”.

3. Sửa đổi một số định mức vật liệu đối với hoạt động quan trắc nước biển xa bờ (điểm 2.2.4 khoản 2 Chương 1 Phần 2):

a) Sửa đổi định mức tại thứ tự số 1 và số 2 trong Mã hiệu “2NB11: DO” như sau:

1	Dung dịch điện cực DO	ml	4,500
2	Dung dịch làm sạch điện cực	ml	4,500

b) Sửa đổi định mức tại thứ tự số 1, 2, 3 và số 4 trong Mã hiệu “2NB12: EC” như sau:

1	Dung dịch chuẩn 84	ml	6,000
2	Dung dịch chuẩn 1413	ml	6,000
3	Dung dịch chuẩn 12280	ml	6,000
4	Cồn lau đầu đo	ml	15,000

4. Sửa đổi một số định mức dụng cụ đối với hoạt động phân tích nước biển trong phòng thí nghiệm (điểm 3.2.2 khoản 3 Chương 1 Phần 2):

a) Sửa đổi định mức tại thứ tự số 10 trong Mã hiệu “3NB17: Chlorophyll a, Chlorophyll b, Chlorophyll c” như sau:

10	Đèn Wimax=200h	cái	16	0,050
----	----------------	-----	----	-------

b) Sửa đổi định mức tại thứ tự số 10 trong Mã hiệu “3NB18: Hàm lượng Cyanua (CN-) (APHA 4500-CN,C)” như sau:

10	Đèn Wimax=200h	cái	16	0,080
----	----------------	-----	----	-------

c) Sửa đổi định mức tại thứ tự số 13 trong Mã hiệu “3NB19b: Kim loại nặng Hg, As (TCVN 5991-1995 và TCVN 6182-1996)” như sau:

13	Đèn Wimax=200h	cái	16	0,080
----	----------------	-----	----	-------

5. Sửa đổi một số định mức vật liệu đối với hoạt động phân tích nước biển trong phòng thí nghiệm (điểm 3.2.4 khoản 3 Chương 1 Phần 2):

a) Sửa đổi định mức tại thứ tự số 5 trong Mã hiệu “3NB22b: Hóa chất BVTV nhóm Photpho” như sau:

5	Diclometan	ml	20,000
---	------------	----	--------

b) Sửa đổi định mức tại thứ tự số 1 trong Mã hiệu “3NB23c: N-NH₃” như sau:

1	Dung dịch NH ₄ ⁺ chuẩn	ml	0,600
---	--	----	-------

6. Sửa đổi một số định mức vật liệu đối với với hoạt động phân tích khí thải trong phòng thí nghiệm (điểm 2.2.4 khoản 2 Chương 2 Phần 2):

a) Sửa đổi định mức tại thứ tự số 3 và số 4 trong Mã hiệu “2KT3: Khí CO” như sau:

2	Na ₂ SO ₄ , 2H ₂ O	gam	0,300
3	Na ₂ MoO ₄	gam	0,080

b) Sửa đổi định mức tại thứ tự số 3 và số 4 trong Mã hiệu “2KT4: Khí CO₂” như sau:

3	Na ₂ SO ₄ , 2H ₂ O	gam	0,360
4	Na ₂ MoO ₄	gam	0,096

7. Sửa đổi thông nhất “Đơn vị tính” đối với 02 vật liệu, dụng cụ mang tên “Kim kẹp giấy” và “Kim bấm” trong tất cả các định mức là “Hộp”.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2011.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Tài nguyên và Môi trường để xem xét, xử lý./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ LĐTBXH, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Công báo, Công TTĐT Chính phủ;
- Website Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Lưu: VT, TCMT, PC.

Handwritten signatures and initials:
 10/2 12/4
 [Signature]

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Bùi Cách Tuyên